

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 3 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Đức Hoài

Ông Nguyễn Quốc Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08/11/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 14/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn anh Hoàng Văn T có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vũ Thị Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Th tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/9/2010. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh và chị Th bàn nhau cho chị Th đi làm công nhân giày da ở thành phố Hải Phòng để kiếm thêm thu nhập, cải thiện kinh tế gia đình. Tuy nhiên, khi chị Th đi làm công nhân một thời gian thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh

mâu thuẫn do chị Th đi làm xa, lâu không về thăm nhà, không quan tâm đến chồng con dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng chị Th không chịu thay đổi khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Thực tế thì hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Vũ Thị Th đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Th, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Vũ Thị Th có 02 con chung là cháu Hoàng Quang H, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Hoàng Phi X, sinh ngày 29/10/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Hoàng Quang H sống cùng chị Vũ Thị Th còn cháu Hoàng Phi X sống cùng anh. Do đó, khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phi X đến tuổi trưởng thành và giao cháu Hoàng Quang H cho chị Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Vũ Thị Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Hoàng Phi X.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; không có vay nợ chung do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn chị Vũ Thị Th không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th kết hôn với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng anh T, chị Th về chung sống tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do chị Th đi làm công nhân giày da ở thành phố Hải Phòng, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến chồng con dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xóm khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th đã đến mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn T đối với chị Vũ Thị Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th có 02 con chung là cháu Hoàng Quang H, sinh ngày 20/8/2011 và

cháu Hoàng Phi X, sinh ngày 29/10/2016. Kể từ khi vợ chồng anh T, chị Th sống ly thân thì cháu Hoàng Phi X vẫn sống cùng anh Hoàng Văn T tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang còn cháu Hoàng Quang H đã được chị Vũ Thị Th đón đi nuôi dưỡng, chăm sóc và cho ở nhà bố mẹ đẻ chị Th tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, hiện tại cháu Hoàng Quang H học và sống ở địa chỉ cụ thể nào của huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì địa phương không nắm được.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Vũ Thị Th sống cùng nhà mẹ đẻ của anh T nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung, cũng như không có vay nợ chung gì.

Về hộ khẩu thường trú: Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị Vũ Thị Th đón cháu Hoàng Quang H về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ ở huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nhưng không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng mà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nên hiện tại chị Vũ Thị Th đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Theo những người thân trong gia đình chị Th cung cấp thì chị Th thỉnh thoảng có về nhà tại thôn L để thăm cháu Hoàng Phi X rồi lại đi ngay, không ở nhà. Chị Th cũng đã biết được việc anh Hoàng Văn T khởi kiện xin ly hôn với mình và Tòa án triệu tập chị Th đến làm việc nhưng chị Th không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Hoàng Văn T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Vũ Thị Th chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Th.

+ Về con chung: Giao cháu Hoàng Phi X, sinh ngày 29/10/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Quang H, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Vũ Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn anh Hoàng Văn T thể hiện vợ chồng anh T, chị Th không có tài sản, đất đai vay nợ chung; anh Tuyến cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do anh Tuyến là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn chị Vũ Thị Th không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với chị Vũ Thị Th, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vũ Thị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn chị Vũ Thị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn anh Hoàng Văn T đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn chị Vũ Thị Th. Chị Vũ Thị Th đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa phương. Mặc dù thỉnh thoảng có về thăm nhà nhưng không thông báo địa chỉ mới nên chính quyền địa phương không rõ chị Vũ Thị Th hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù chị Vũ Thị Th đã biết được việc anh Hoàng Văn T khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng chị Th không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ chị Vũ Thị Th đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Vũ Thị Th chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/9/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc chị Th đi làm ăn ở xa, không thường xuyên về nhà, không quan tâm đến chồng con nên vợ chồng xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xóm khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị Vũ Thị Th đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Vũ Thị Th. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th có 02 con chung là cháu Hoàng Quang H, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Hoàng Phi X, sinh ngày 29/10/2016. Kể từ khi vợ chồng anh T, chị Th sống ly thân thì cháu Hoàng Phi X sống cùng anh Hoàng Văn T tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang còn cháu Hoàng Quang H đã được chị Vũ Thị Th đón đi nơi khác sinh sống, học tập. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phi X và không yêu cầu chị Vũ Thị Th phải cấp dưỡng đối với cháu Hoàng Phi X. Đối với cháu Hoàng Quang H anh T đề nghị giao cho chị Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Trong biên bản lấy lời khai, cháu Hoàng Phi X thể hiện nguyện vọng được sống cùng bố là anh Hoàng Văn T. Mặc dù không lấy được lời khai để xem xét nguyện vọng của cháu Hoàng Quang H muốn sống cùng ai nhưng qua kết quả xác minh thể hiện cháu H đang được chị Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị Th cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Do vậy, quyền yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Hoàng Quang H của chị Th sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu chị Th có yêu cầu. Từ những phân tích ở trên, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Hoàng Phi X cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Quang H cho chị Vũ Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn T và

chị Vũ Thị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Vũ Thị Th không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh Hoàng Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn chị Vũ Thị Th không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Th (*Giấy chứng nhận kết hôn số 141, ngày 17/9/2010 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Phi X, sinh ngày 29/10/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Quang H, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Vũ Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Hoàng Văn T. Bị đơn chị Vũ Thị Th không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T và bị đơn chị Vũ Thị Th được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã K;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Lương Hữu San